

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ MANG THAI HỘ VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT

● NGUYỄN THỊ LỰU

TÓM TẮT:

Lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp Việt Nam chế định mang thai hộ vì mục đích nhân đạo với những giá trị nhân văn to lớn đã được ghi nhận trong Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vì vậy, bài viết nhằm làm rõ các nội dung: quy định của pháp luật về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo; Những bất cập và một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hơn nữa những quy định về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

Từ khóa: Pháp luật Việt Nam, mang thai hộ, hôn nhân, gia đình.

1. Quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 về mang thai hộ

Ở Việt Nam, lần đầu tiên mang thai hộ được điều chỉnh bởi một văn bản luật đó là Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực từ ngày 01/01/2015. Luật Hôn nhân và Gia đình hiện hành thừa nhận mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, cấm mang thai hộ vì mục đích thương mại. Đồng thời, Luật cũng đưa ra các quy định điều chỉnh các vấn đề liên quan đến mang thai hộ cụ thể như sau:

Một là, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đã đưa ra định nghĩa về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo và mang thai hộ vì mục đích thương mại.

- *Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo*: là việc một người phụ nữ tự nguyện, không vì mục đích thương mại giúp mang thai cho cặp vợ chồng mà người vợ không thể mang thai và sinh con ngay cả

khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, bằng việc lấy noãn của người vợ và tinh trùng của người chồng để thụ tinh trong ống nghiệm, sau đó cấy vào tử cung của người phụ nữ tự nguyện mang thai hộ để người này mang thai và sinh con¹.

- *Mang thai hộ vì mục đích thương mại*: là việc một người phụ nữ mang thai cho người khác bằng việc áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản để được hưởng lợi về kinh tế hoặc lợi ích khác².

Từ định nghĩa trên chúng ta có thể hiểu như sau:

+ Quy định mang thai hộ vì mục đích thương mại là mang thai và đẻ thay người khác để hưởng lợi ích về kinh tế hoặc các lợi ích khác. Như vậy, mục đích thương mại được thể hiện ở chỗ hưởng lợi về kinh tế (hoặc lợi ích khác). Ngược lại, mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là việc nhận sinh con và đẻ thay người khác mà không vì mục đích thương mại.

+ Chủ thể được quyền nhờ mang thai hộ phải là một cặp vợ chồng. Nghĩa là những người phụ nữ đơn thân (không có khả năng sinh con) không được phép áp dụng phương pháp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Quy định như vậy là hợp lý, vì Nhà nước xây dựng và ban hành chế định mang thai hộ là nhằm tạo cơ chế cho công dân xây dựng gia đình đúng nghĩa là nơi mà đứa trẻ được hưởng tình yêu thương, sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của cả cha lẫn mẹ, có như thế mới đảm bảo được tốt nhất cho tương lai của đứa trẻ.

+ Từ định nghĩa trên, có thể hiểu cặp vợ chồng chỉ có quyền nhờ người khác mang thai hộ khi người vợ không thể mang thai và sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Quy định này cho thấy mang thai hộ chỉ là giải pháp cuối cùng khi các kỹ thuật hỗ trợ sinh sản khác không đem lại kết quả. Quy định này chúng ta nên hiểu “không thể mang thai và sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản” là việc qua các bước tiến hành các xét nghiệm, chẩn đoán y khoa, kết quả cho thấy người vợ không có khả năng mang thai và sinh con.

- Pháp luật Việt Nam giới hạn mang thai hộ ở việc chỉ sử dụng noãn của người vợ nhờ mang thai hộ để tiến hành thụ tinh trong ống nghiệm mà không cho phép sử dụng noãn của người mang thai hộ hay noãn của người phụ nữ thứ ba. Do đó, đứa trẻ sinh ra luôn mang đặc điểm di truyền của vợ chồng người nhờ mang thai hộ mà không có bất cứ liên hệ nào với người mang thai hộ về mặt di truyền. Từ đó, tránh được những rủi ro về mối liên hệ tình cảm mẫu tử giữa người mang thai hộ với đứa trẻ.

Hai là, con sinh ra trong trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là con chung của vợ chồng nhờ mang thai hộ, kể từ thời điểm con được sinh ra³. Như vậy, pháp luật chỉ thừa nhận vợ chồng nhờ mang thai hộ là cha mẹ hợp pháp của đứa trẻ và đứa trẻ là con chung của vợ chồng nhờ mang thai hộ. Kể từ thời điểm con được sinh ra giữa họ sẽ phát sinh các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ, con được quy định tại chương V Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cũng như quyền thừa kế theo quy định của pháp luật dân sự. Quy định

này là hoàn toàn hợp lý, bởi như đã phân tích trước đó, đứa trẻ sinh ra trong trường hợp mang thai hộ không có liên hệ huyết thống với người mang thai hộ nên pháp luật không ràng buộc người này với đứa trẻ trong mối quan hệ cha, mẹ và con. Về thời điểm giao đứa trẻ, theo khoản 1 điều 97 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bên mang thai hộ phải giao đứa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ theo thỏa thuận. Nghĩa là, việc giao đứa trẻ được ưu tiên thực hiện theo thỏa thuận giữa bên nhờ mang thai hộ và bên mang thai hộ, bao gồm thời điểm giao, quyền và nghĩa vụ của hai bên đối với con trong trường hợp chậm giao con hoặc chậm nhận con. Cũng tại khoản 1 điều 97 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bên mang thai hộ có quyền, nghĩa vụ như cha mẹ trong việc chăm sóc sức khỏe sinh sản và chăm sóc nuôi dưỡng con cho đến thời điểm giao đứa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ. Có thể hiểu, trong khoảng thời gian con được sinh ra đến trước thời điểm thực hiện việc giao nhận con thì cả bên nhờ mang thai hộ và bên mang thai hộ đều có các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con. Cần có sự phân biệt, quyền làm cha mẹ của bên nhờ mang thai hộ là quyền đương nhiên phát sinh từ sự kiện đứa trẻ được sinh ra và tồn tại lâu dài sau đó; còn quyền làm cha, mẹ của bên mang thai hộ chỉ phát sinh trong trường hợp con chưa được giao và bị giới hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng mang thai hộ, các quyền và nghĩa vụ này sẽ chấm dứt ngay sau khi hai bên tiến hành việc giao nhận con.

Ba là, điều 95 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định điều kiện đối với bên nhờ mang thai hộ và bên mang thai hộ. Theo đó, một cặp vợ chồng chỉ được quyền nhờ người mang thai hộ khi đáp ứng đủ các điều kiện: có xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền về việc người vợ không thể mang thai và sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản; vợ chồng đang không có con chung; đã được tư vấn về y tế, pháp lý, tâm lý. Đối với bên mang thai hộ, cần thỏa mãn các điều kiện: người mang thai hộ là người thân thích cùng hàng của bên vợ hoặc bên chồng nhờ mang thai hộ; đã từng sinh con và chỉ được mang thai hộ một lần; ở độ tuổi phù hợp và có xác nhận của tổ

chức y tế có thẩm quyền về khả năng mang thai hộ; nếu người mang thai hộ có hôn nhân thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của người chồng; đã được tư vấn về y tế, pháp lý, tâm lý. Với quy định này lại một lần nữa giới hạn phạm vi mang thai hộ. Cụ thể là giới hạn chủ thể được thực hiện việc mang thai hộ. Pháp luật cho phép những ai là người thân thích cùng hàng của bên vợ hoặc bên chồng nhờ mang thai hộ mới được thực hiện việc mang thai hộ. Vấn đề pháp lý này nhằm ngăn cản khả năng thương mại hóa mang thai hộ.

Bốn là, thỏa thuận mang thai hộ quy định tại điều 96 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về mặt hình thức, thỏa thuận về việc mang thai hộ phải được lập thành văn bản có công chứng. Trong trường hợp vợ chồng bên nhờ mang thai hộ ủy quyền cho nhau hoặc vợ chồng bên mang thai hộ ủy quyền cho nhau về việc thỏa thuận thì việc ủy quyền phải lập thành văn bản có công chứng. Việc ủy quyền cho người thứ ba không có giá trị pháp lý.

Về mặt nội dung thỏa thuận về mang thai hộ phải có các nội dung cơ bản sau đây:

- Thông tin đầy đủ về bên nhờ mang thai hộ và bên mang thai hộ.

- Cam kết thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mỗi bên.

- Thỏa thuận việc giải quyết hậu quả trong trường hợp có tai biến sản khoa; hỗ trợ để bảo đảm sức khỏe sinh sản cho người mang thai hộ trong thời gian mang thai và sinh con, việc nhận con của bên nhờ mang thai hộ, quyền và nghĩa vụ của hai bên đối với con trong trường hợp con chưa được giao cho bên nhờ mang thai hộ và các quyền, nghĩa vụ khác có liên quan;

- Trách nhiệm dân sự trong trường hợp một hoặc cả hai bên vi phạm cam kết theo thỏa thuận.

Năm là, quyền và nghĩa vụ của bên mang thai hộ và bên nhờ mang thai hộ được quy định tại điều 97 và điều 98 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bên mang thai hộ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Người mang thai hộ, chồng của người mang thai hộ có quyền, nghĩa vụ như cha mẹ trong việc

chăm sóc sức khỏe sinh sản và chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến thời điểm giao đứa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ;

- Người mang thai hộ phải giao đứa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ theo thỏa thuận.

- Người mang thai hộ phải tuân thủ quy định về thăm khám, các quy trình sàng lọc để phát hiện, điều trị các bất thường, dị tật của bào thai theo quy định của Bộ Y tế.

- Người mang thai hộ được hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về lao động và bảo hiểm xã hội cho đến thời điểm giao đứa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ.

- Việc sinh con do mang thai hộ không tính vào số con theo chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

- Bên mang thai hộ có quyền yêu cầu bên nhờ mang thai hộ thực hiện việc hỗ trợ, chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Vì lý do bảo vệ tính mạng, sức khỏe của mình hoặc sự phát triển của thai nhi, người mang thai hộ có quyền quyết định về số lượng bào thai, việc tiếp tục hay không tiếp tục mang thai hộ.

- Nếu bên nhờ mang thai hộ từ chối nhận con thì bên mang thai hộ có quyền yêu cầu Tòa án buộc bên nhờ mang thai hộ nhận con.

Bên nhờ mang thai hộ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Bên nhờ mang thai hộ có nghĩa vụ chi trả các chi phí thực tế để bảo đảm việc chăm sóc sức khỏe sinh sản theo quy định của Bộ Y tế.

- Quyền, nghĩa vụ của bên nhờ mang thai hộ vì mục đích nhân đạo đối với con phát sinh kể từ thời điểm con được sinh ra.

- Người mẹ nhờ mang thai hộ được hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về lao động và bảo hiểm xã hội từ thời điểm nhận con cho đến khi con đủ 06 tháng tuổi.

- Bên nhờ mang thai hộ không được từ chối nhận con.

- Nếu bên mang thai hộ từ chối giao con thì bên nhờ mang thai hộ có quyền yêu cầu Tòa án buộc bên mang thai hộ giao con.

Sáu là, Tòa án là cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về mang thai hộ và hành vi vi

phạm pháp luật về mang thai hộ sẽ bị xử lý theo trách nhiệm hình sự, hành chính hoặc dân sự.

Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 lần đầu tiên quy định vấn đề mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là cần thiết trong bối cảnh chung của đất nước hiện nay khi mà hiện tượng vô sinh khá phổ biến, việc hợp pháp mang thai hộ thể hiện sự quan tâm, đáp ứng kịp thời của Nhà nước trước nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của người dân nhất là những cặp vợ chồng vô sinh.

Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo được pháp luật cho phép thực hiện sẽ giải quyết được những vấn đề của xã hội. Đó là giảm thiểu tình trạng ly hôn đối với các cặp vợ chồng hiếm muộn không có khả năng được làm cha mẹ, đảm bảo duy trì hạnh phúc gia đình, phát triển các “tế bào” của xã hội¹.

2. Một số bất cập trong quy định của pháp luật về mang thai hộ

Thứ nhất, về quan hệ nhân thân của đứa trẻ được sinh ra.

Thời điểm sinh con và thời điểm giao, nhận con là hai thời điểm khác nhau, do đó quyền và nghĩa vụ của bên nhờ mang thai hộ và bên mang thai hộ cũng đan xen, chồng chéo lẫn nhau. Đứa trẻ khi được sinh ra là con của bên nhờ mang thai hộ và cũng là thời điểm phát sinh quyền và nghĩa vụ cha mẹ đối với con của bên nhờ mang thai hộ. Tuy nhiên, giai đoạn này cũng phát sinh quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con của bên mang thai hộ cho đến khi giao con.

Giả sử trường hợp đứa trẻ sinh ra mang dị tật, bệnh lý khó điều trị được hoặc vì lý do nào khác dẫn đến việc bên nhờ mang thai hộ từ chối nhận con và bên mang thai hộ yêu cầu Tòa án giải quyết... Tuy nhiên, với thực tiễn thi hành án hiện nay tại Việt Nam mất rất nhiều thời gian. Do đó, người mang thai hộ sẽ phải nuôi dưỡng đứa trẻ trong suốt thời gian này cho đến khi bàn giao và đứa trẻ này vẫn chưa được khai sinh theo quy định. Vấn đề đặt ra là trong giai đoạn đó quan hệ nhân thân của đứa trẻ được giải quyết như thế nào? Đứa trẻ là con ai khi chưa được đăng ký khai sinh? Luật quy định con khi sinh ra là con của bên nhờ mang thai hộ nhưng bên nhờ mang thai hộ

không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình mà buộc bên mang thai hộ phải thực hiện nghĩa vụ thay trong khi họ không phải là cha mẹ của đứa trẻ.

Một giả thiết được đưa ra là trong trường hợp bên nhờ mang thai hộ không nhận con và bên mang thai hộ cũng không yêu cầu Tòa án buộc bên nhờ mang thai hộ nhận con thì quan hệ nhân thân của trẻ như thế nào?

Thứ hai, quan hệ về tài sản giữa bên nhờ mang thai hộ và bên mang thai hộ.

Theo quy định về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, bên nhờ mang thai hộ có nghĩa vụ chi trả các chi phí thực tế để đảm bảo việc chăm sóc sức khỏe sinh sản theo quy định của Bộ Y tế. Như vậy, tất cả các khoản chi phí như viện phí, chi phí bồi dưỡng thai phụ, chăm sóc thai nhi... đều do bên nhờ mang thai hộ thanh toán. Vấn đề đặt ra là, nếu trường hợp với lý do nào đó mà bên nhờ mang thai hộ không đồng ý thanh toán vì cho rằng có khoản chi phí không hợp lý thì người mang thai hộ phải yêu cầu giải quyết ra sao hay phải thông qua tố tụng dân sự? Một giả định khác, bên nhờ mang thai hộ thanh toán cho bên mang thai hộ số tiền lớn hơn nhiều lần so với chi phí thực tế để đảm bảo việc chăm sóc sinh sản thì có bị xem là lợi ích vật chất và vi phạm các quy định của việc mang thai hộ vì mục đích nhân đạo không?

Một vấn đề nữa không được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề cập đến là thu nhập thực tế bị mất trong thời gian mang thai hộ của người mang thai hộ. Nếu người mang thai hộ là lao động có thu nhập thì trong khoảng thời gian mang thai hộ thu nhập của họ bị mất được giải quyết như thế nào? Bên nhờ mang thai hộ có phải bồi hoàn cho họ đối với khoản thu nhập bị mất này hay không? Theo quy định hiện hành thì bên mang thai hộ không được nhận bất kỳ khoản lợi ích nào về kinh tế hoặc lợi ích khác cho việc mang thai hộ. Nếu họ nhận những khoản bù đắp từ việc bị mất thu nhập lao động thì được xem là nhận lợi ích vật chất (mang thai hộ vì mục đích thương mại) tức là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm. Như vậy, có thể nhìn nhận khoản thu nhập bị mất của người mang thai hộ không được pháp

luật bảo vệ do họ tự nguyện mang thai hộ giúp người khác vì mục đích nhân đạo.

Thứ ba, đối tượng được nhờ mang thai hộ.

Theo quy định thì cặp vợ chồng không có con chung mới được yêu cầu thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Quy định này trên thực tế có thể xảy ra 2 trường hợp:

Một là, cặp vợ chồng có con chung nhưng đứa con chung này chết, mà người vợ không thể sinh thêm con.

Hai là, vợ chồng có con chung nhưng đứa con này bị dị tật, khuyết tật dẫn đến không nhận thức được hoặc mắc bệnh lý không thể điều trị... và người vợ không thể sinh thêm con.

Vậy những trường hợp này có thuộc đối tượng được nhờ mang thai hộ vì mục đích nhân đạo không?

Thứ tư, xác định điều kiện người thân thích cùng hàng của bên vợ hoặc chồng nhờ mang thai hộ.

Một trong những điều kiện áp dụng đối với người mang thai hộ, họ phải là người thân thích cùng hàng của bên vợ hoặc bên chồng nhờ mang thai hộ. Theo quy định tại Nghị định số 10/2015/NĐ-CP, người thân thích cùng hàng của vợ hoặc chồng gồm có: chị, em cùng cha mẹ, cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha, chị, em con chú, con bác, con cô, con cậu, con gi, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha⁶. Nghị định này cũng quy định hồ sơ yêu cầu mang thai hộ phải có văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân về mối quan hệ thân thích cùng hàng giữa bên nhờ mang thai hộ và bên mang thai hộ.

Thực tế đặt ra là, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nào sẽ thực hiện việc xác nhận này? Bởi thực tế có thể sẽ có nhiều Ủy ban nhân dân cấp xã có thể xác nhận như:

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký cư trú hiện tại của bên nhờ mang thai hộ hay bên mang thai hộ?

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú của bên nhờ mang thai hộ hay bên mang thai hộ?

Hiện nay, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Nghị định số 10/2015/NĐ-CP chưa quy định

cụ thể thẩm quyền xác nhận. Do đó, trên thực tế, một trong các Ủy ban nhân dân cấp xã nêu trên có thể thực hiện việc xác nhận này. Tuy nhiên, bên nhờ mang thai hộ và bên mang thai hộ có thể không cư trú cùng địa phương nên Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xác nhận rất khó có cơ sở để xác minh quan hệ thân thích giữa họ.

Thứ năm, về quy định người phụ nữ mang thai hộ có hôn nhân thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của người chồng.

Thiết nghĩ đây là một điều kiện thiếu tính khả thi. Bởi vì, trong thực tế hiện tượng vợ chồng ly thân đang diễn ra ngày càng phổ biến trong xã hội. Do đó, nếu quy định này được thực thi một cách quá cứng nhắc thì sẽ xảy ra bất cập trong thực tiễn và nhiều người phụ nữ sẽ không thể thực hiện hóa quyền mang thai hộ vì lý do không đủ điều kiện luật định. Nghĩa là, người phụ nữ đang trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sống ly thân với người chồng và người này không xác định được nơi cư trú hiện tại của chồng họ, hoặc nếu chồng là người nước ngoài và người này đã trở về nước họ mang quốc tịch thì việc tìm gặp họ không hề đơn giản; thậm chí khi xác định được nơi ở của người chồng thì việc lấy ý kiến đồng ý bằng văn bản từ họ cũng rất khó thực hiện, vì vốn dĩ trong mối quan hệ tình cảm giữa hai người đã có những mâu thuẫn, bất đồng thì mới dẫn đến việc phải ly thân. Quy định này xuất phát từ nguyên tắc vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền và nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình⁷. Tuy nhiên, quy định này cần phải được bổ sung những trường hợp ngoại lệ như kể trên để quyền mang thai hộ của người phụ nữ được thực hiện dễ dàng hơn, tránh những vướng mắc không cần thiết.

3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện chế định mang thai hộ

Thứ nhất, Nhà nước cần ban hành văn bản hướng dẫn giải quyết quan hệ nhân thân của đứa trẻ trong trường hợp người nhờ mang thai hộ không chịu nhận con sau khi sinh đứa trẻ. Theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, con sinh ra trong trường hợp mang thai hộ là con của vợ chồng nhờ mang thai hộ. Tuy nhiên, nếu người mang thai hộ

không chịu nhận con, không làm thủ tục khai sinh cho con thì người mang thai hộ phải có nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng đứa trẻ nhưng họ không thể khai sinh cho trẻ được vì họ không phải là cha mẹ của đứa trẻ. Quyền về nhân thân nói chung và quyền trẻ em nói riêng đã được pháp luật ghi nhận. Vì vậy cần sớm có hướng dẫn chi tiết để bảo vệ quyền lợi của những đứa trẻ này.

Thứ hai, pháp luật cần hướng dẫn cụ thể về quan hệ tài sản giữa bên nhờ mang thai hộ và bên mang thai hộ, như: nghĩa vụ chi trả các chi phí thực tế của bên nhờ mang thai hộ để bảo đảm việc chăm sóc sức khỏe sinh sản theo quy định của Bộ Y tế. Ngoài ra, cần có quy định để bù đắp khoản thu nhập bị mất của người mang thai hộ trong khoảng thời gian họ mang thai hộ. Đề xuất này nhằm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên nhờ mang thai hộ và bên mang thai hộ.

Thứ ba, chủ thể nhờ mang thai hộ nên được mở rộng thêm. Theo đó, các cặp vợ chồng nếu đã có con chung nhưng con chung đó đã chết hoặc bị bệnh tật bẩm sinh, bệnh lý không thể điều trị và hiện họ không thể sinh con được thì có quyền được nhờ mang thai hộ.

Thứ tư, pháp luật cần quy định cụ thể cơ quan có thẩm quyền xác nhận quan hệ thân thích cùng hàng giữa bên mang thai hộ với bên vợ hoặc bên chồng nhờ mang thai hộ.

Thứ năm, pháp luật cần quy định thêm những trường hợp ngoại lệ như: người phụ nữ mang thai hộ đang tồn tại hôn nhân nhưng vợ chồng sống ly thân và không còn liên lạc với nhau thì không cần phải có sự đồng ý bằng văn bản của người chồng. Đề xuất này sẽ tạo điều kiện cho những người phụ nữ dễ dàng đáp ứng các điều kiện của người mang thai hộ theo quy định của pháp luật.

4. Kết luận

Mang thai hộ là một thành tựu khoa học trong lĩnh vực y học đã và đang là mối quan tâm của nhiều người trong xã hội. Tuy nhiên, để mang thai hộ phát triển đúng định hướng, đúng ý nghĩa xã hội thì pháp luật cần phải có quy định chặt chẽ và hướng dẫn chi tiết để điều chỉnh quan hệ này một cách kịp thời, cụ thể, nhằm tránh hiện tượng lạm dụng đi ngược lại bản chất xã hội của mang thai hộ và quan trọng nhất là tránh những tranh chấp có thể phát sinh giữa bên nhờ mang thai hộ và bên mang thai hộ trong quan hệ này ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹Xem Khoản 22 điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014

²Xem khoản 23 điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014

³Xem Điều 94 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014

⁴Nguyễn Quế Anh (2015). Quy định về mang thai hộ - Một nội dung mới trong Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, 8 (281), 56-58

⁵Xem khoản 1, 5 Điều 97 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014

⁶Xem khoản 7 điều 2 Nghị định số 10/2015/NĐ-CP

⁷Xem điều 17 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Quốc hội (2014). *Luật số 52/2014/QH13: Luật Hôn nhân và Gia đình*, ban hành ngày 19/6/2014.
2. Chính phủ (2015). *Nghị định số 10/2015/NĐ-CP quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo*, ban hành ngày 28/1/2015.

Ngày nhận bài: 11/10/2020

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 21/10/2020

Ngày chấp nhận đăng bài: 31/10/2020

Thông tin tác giả:

ThS. NGUYỄN THỊ LỰU

Khoa Luật học - Trường Đại học Đà Lạt

**PROVISIONS ON SURROGACY
FOR HUMANITARIAN PURPOSES IN VIETNAM
AND SOME RECOMMENDATIONS TO IMPROVE
THE EFFECTIVENESS OF THESE PROVISIONS**

● Master. **NGUYEN THI LUU**

Faculty of Law, Da Lat University

ABSTRACT:

For the first time, the institution of surrogacy for humanitarian purposes with great human values has been recognized in Vietnam in the Law on Marriage and Family in 2014. This article is to clarify the provisions on surrogacy for humanitarian purposes and the shortcomings of these provisions. In addition, this article proposes some recommendations to further improve the effectiveness of the provisions on surrogacy for humanitarian purposes.

Keywords: Vietnamese law, surrogacy, marriage, family.